

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT

Về bồi thường, hỗ trợ đất và tài sản gắn liền trên đất thu hồi của bà Vũ Thị Lan
thuộc dự án Xây dựng đường xuyên tâm Tân Hưng - Tân Lập (đoạn đi qua phường Đồng Phú, xã Tân Lợi, thành phố Đồng Nai)
Vị trí đất: Phường Đồng Phú, thành phố Đồng Nai
(Kèm theo Báo cáo số 123/BC-KTHTĐT ngày 03/6/2026 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị)

I. Thông tin về chủ sử dụng đất; diện tích đất thu hồi; đơn giá bồi thường, hỗ trợ:

1. Tên chủ sử dụng đất

Bà: Vũ Thị Lan; sinh ngày: 20/3/1983; CCCD số: 019183010406

Địa chỉ thường trú: Khu phố 4, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Nai

2. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi:

a) Vị trí đất: Phường Đồng Phú, thành phố Đồng Nai

Thông báo thu hồi đất số: 90/TB-UBND ngày 03/02/2026

Tờ bản đồ số: TĐ43-2023 Thửa số: 4 (theo bản đồ phục vụ công tác bồi thường, GPMB dự án)

b) Diện tích đất thu hồi: 1.719,4 m²

c) Loại đất (MĐSD): Đất trồng cây lâu năm (CLN).

d) Nguồn gốc đất: Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số (CS) 03876/ Tân Lập do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 28/5/2019
Thửa 52 Tờ bản đồ số: 60

Diện tích thửa đất: 10.116,5 m²

3. Đơn giá bồi thường hỗ trợ đất và tài sản gắn liền trên đất:

a. Đơn giá bồi thường hỗ trợ đất

* Căn cứ Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai

* Căn cứ Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai

* Căn cứ theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai

* Căn cứ Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai

b. Đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng

* Căn cứ theo công văn số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai

II. Giá trị bồi thường, hỗ trợ:

| 1. Tiền bồi thường về đất: | | | | | | | | | | 173.315.520 |
|----------------------------|----------|------------|--|-----|---|-----|----------------------------------|-------------------------------|--------------------------------|-------------|
| TT | Tờ ĐD | Số thửa | Diện tích đất thu hồi (m ²) | | Đơn giá đất tính tiền bồi thường (đồng/m ²) | | Tiền bồi thường về đất (đồng) | | | Ghi chú |
| | | | ONT | CLN | ONT | CLN | Tiền bồi thường đất ở | Tiền bồi thường đất CLN | Tổng tiền bồi thường về đất | |

| 1 | TĐ43-2023 | 4 | | 1.719,4 | | 100.800 | | 173.315.520 | 173.315.520 | |
|---|----------------|---|--|---|-----------------------|---|---|-------------|--------------------|--|
| * Căn cứ Thông báo 141/TB-VPĐK.ĐP ngày 23/4/2026 | | | | | | | | | | |
| - Đất CLN: PV 1, VT1 Đường giao thông liên xã còn lại trên địa bàn xã Tân Tiến và Tân Lập cũ - Toàn tuyến; Hệ số K = 1,12 | | | | | | | | | | |
| 2. Giá trị bồi thường cây trồng | | | | | | | | | 19.341.720 | |
| TT | Loại cây trồng | Số lượng (cây), diện tích (m ²) kiểm kê | Số lượng (cây), diện tích (m ²) bồi thường | Năm trồng, quy cách | Đơn giá | Tiền BT | Ghi chú | | | |
| | | | <i>a</i> | <i>b</i> | <i>c</i> | <i>d=a*c</i> | | | | |
| 1 | Cây điều | 3 | 3 | 2022 | 425.492 | 1.276.476 | | | | |
| 2 | Cây điều | 5 | 5 | 2018 | 774.197 | 3.870.985 | | | | |
| 3 | Cây điều | 13 | 13 | 2012 | 1.003.363 | 13.043.719 | | | | |
| 4 | Cây mít | 1 | 1 | 2019 | 1.150.540 | 1.150.540 | | | | |
| 3. Giá trị hỗ trợ ổn định đời sống: | | | | | | | | | 810.000 | |
| TT | Số nhân khẩu | Số tháng hỗ trợ | Số gạo hỗ trợ trong 1 tháng | Đơn giá gạo (đ/kg) | Giá trị hỗ trợ (đồng) | Ghi chú | | | | |
| | <i>a</i> | <i>b</i> | <i>c</i> | <i>d</i> | <i>e=a*b*c*d</i> | | | | | |
| 1 | 1 | 3 | 15 | 18.000 | 810.000 | * Căn cứ công văn số 35/UBND-KT ngày 20/5/2026 của UBND phường Đồng Phú xác nhận có diện tích đất nông nghiệp thu hồi thuộc trường hợp thu hồi đất nông nghiệp dưới 30% và không phải di chuyển chỗ ở; * Căn cứ Công văn số 30/BC-STC ngày 08/5/2026 của Sở Tài chính về việc Tình hình giá thị trường tháng 4 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai | | | | |
| 4. Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm | | | | | | | | | 232.119.000 | |
| TT | Tờ bản đồ | Số thửa | Diện tích đất NN | Đơn giá theo Bảng giá đất (đ/m ²) | Hệ số hỗ trợ (lần) | Giá trị hỗ trợ (đồng) | Ghi chú | | | |
| | <i>a</i> | <i>b</i> | <i>c</i> | <i>d</i> | <i>e</i> | <i>f=c*d*e</i> | | | | |
| 1 | TĐ43-2023 | 4 | 1.719,40 | 90.000 | 1,5 | 232.119.000 | * Căn cứ công văn số 35/UBND-KT ngày 20/5/2026 của UBND phường Đồng Phú xác nhận bà Vũ Thị Lan: có nguồn thu từ thửa đất bị thu hồi, không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, Điều 22 của Nghị định số 88; * Căn cứ Thông báo 141/TB-VPĐK.ĐP ngày 23/4/2026 thuộc Đất CLN: PV 1, VT1 Đường giao thông liên xã còn lại trên địa bàn xã Tân Tiến và Tân Lập cũ - Toàn tuyến | | | |
| 5. Tiền khen thưởng: Bàn giao mặt bằng trước thời hạn theo thông báo của đơn vị thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | | | | | 16.000.000 | |
| 6. Tổng số tiền (1+2+3+4+5): Bốn trăm bốn mươi một triệu, năm trăm tám mươi sáu nghìn, hai trăm bốn mươi đồng | | | | | | | | | 441.586.240 | |